

Đào tạo chuẩn mực kế toán công quốc tế trong trường đại học, đòi hỏi từ thực tiễn

 TS. Trần Mai Đông* - TS. Phạm Quang Huy*

Nhận. 14/3/2020

Biên tập: 24/3/2020

Duyệt đăng. 04/4/2020

Thông tin trên hệ thống báo cáo tài chính do hệ thống kế toán khu vực công tại Việt Nam hiện nay được các đơn vị đánh giá đã cung cấp được bức tranh về tình hình hoạt động của đơn vị trên cơ sở dữ liệu, dựa trên hướng dẫn mới của Chính phủ. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu hội nhập và gia tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình thì toàn bộ hệ thống kế toán cần phải hướng theo bộ Chuẩn mực Kế toán công quốc tế (được gọi tắt là IPSAS). Một trong những định hướng quan trọng để có thể áp dụng bộ chuẩn mực này vào các tổ chức thuộc khu vực công chính là đưa hệ thống chuẩn mực đó vào giảng dạy tại các Trường đại học. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tài liệu, bài viết giới thiệu về lịch sử hình thành bộ chuẩn mực này và nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc giảng dạy IPSAS tại các trường đại học ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán công quốc tế, đào tạo, IPSAS, kế toán viên, khu vực công

Abstract

Information on the system of financial statements which conducted by Vietnamese public sector accounting system is evaluated that it has been provided an overview picture of the entity's performance on an accrual basis based on the direction of new Governmental guidance. However, in order to meet the requirements of integration and increase transparency as well as accountability, the entire accounting system needs to follow the International Public Accounting Standard and referred to as IPSAS. One of the important orientations for applying this set of standards to public sector organizations is to put the standard document system into teaching at universities. Based on the method of synthesizing and analyzing documents, the main objective of this article introduces the history of the formation of this set of standards and emphasizes the importance of ISAS teaching in Vietnamese universities in near future.

Keywords: public sector accounting standards, education, IPSAS, accountant, public sector.

1. Giới thiệu

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực đóng vai trò vô cùng quan trọng, có ý nghĩa sống còn trong đời sống xã hội của mỗi nước, là biểu hiện trình độ phát triển của mỗi nước (Thomas & Ulrike, 2018). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định giáo dục và đào

tạo là một nhiệm vụ quan trọng của Cách mạng Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 2, Khóa IX đã xác định, phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế

- xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tất cả các nước trên thế giới đều phải khẳng định chắc chắn rằng, giáo dục là nhân tố hàng đầu quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia (Zahirul, 2002). Tất cả ngành nghề đều cần được sự quan tâm đúng mức cho việc học và dạy. Trong số đó, kế toán vẫn luôn được xem là một lĩnh vực được xã hội và các trường quan tâm (Miller, 2006).

Bên cạnh sự phát triển nhanh chóng của các DN thì một bộ phận không nhỏ cũng đang vận hành cùng với sự tăng trưởng đó, chính là các đơn vị thuộc khu vực công. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam có tổng cộng 63 tỉnh, thành phố với hơn 11.100 đơn vị hành chính xã; trong đó, có khoảng 1.400 phường, 625 thị trấn cùng với hơn 9.000 xã gồm các lĩnh vực khác nhau. Với quy mô trên thì nhu cầu về một nguồn nhân lực đáp ứng cho phòng kế toán tại các tổ chức công là rất lớn. Để nâng cao chất lượng công tác kế toán tại các đơn vị công, nếu chỉ đào tạo các kiến thức đặc thù của Việt Nam được xem là chưa đủ. Vì hiện nay, dù khu vực tư hay khu vực công đều phải theo xu hướng tiếp cận bộ chuẩn mực kế toán quốc tế, với tiêu chuẩn cao hơn về tính minh bạch và giải trình của báo cáo tài chính (BCTC). Điều này cũng đã khẳng định trong

* Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

lộ trình áp dụng IPSAS do Bộ Tài chính công bố.

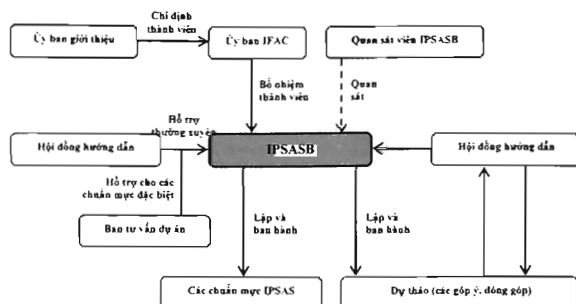
Bài viết sẽ cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về lịch sử hình thành và phát triển của Hội đồng Chuẩn mực Kế toán công quốc tế (IPSASB) và tầm quan trọng của việc giảng dạy bộ chuẩn mực này tại Việt Nam.

2. Lịch sử hình thành và phát triển của IPSAS

Theo Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) thì IPSAS là một bộ các chuẩn mực kế toán do IPSASB ban hành, đề sử dụng cho các đơn vị thuộc khu vực công trên toàn thế giới trong quá trình lập BCTC. IPSASB là một ủy ban trực thuộc IFAC và là cơ quan được hình thành, nhằm mục đích chịu trách nhiệm phát triển và giải quyết các vấn đề thuộc IPSAS theo thẩm quyền của mình (Nick & Robert, 2008).

IPSAS được ban hành bởi IPSASB. Đây là một tổ chức nghề nghiệp thực hiện việc thiết lập chuẩn mực mang tính chất tự nhận và độc lập với cơ quan nhà nước. Cơ quan này hoạt động dưới sự bảo trợ của IFAC. Tổ chức IPSASB là cơ quan độc lập, thông thường bao gồm 18 thành viên tình nguyện tham gia từ các khu vực khác nhau trên thế giới. Họ được tập hợp để cùng tham gia quá trình soạn thảo và ban hành các chuẩn mực mang tính chất lượng cao và liên quan đến vấn đề kế toán tài chính trong khu vực công, cho việc áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị trong khu vực công (Jan van Helden, 2019). Cơ cấu tổ chức, điều hành và cấu trúc của IPSASB được mô tả theo sơ đồ 1.

Sơ đồ 1 - Cấu trúc của Ủy ban chuẩn mực kế toán công quốc tế



Một số quốc gia hiện đã giới thiệu IPSAS hoặc các chuẩn mực tương đương, nhiều quốc gia đã đưa vào chương trình hành động và đưa ra kế hoạch để áp dụng IPSAS trong tương lai. Hơn thế nữa, một vài tổ chức lớn trên thế giới như Ủy ban châu Âu (EU), khối NATO, tổ chức OECD và Liên hiệp quốc hiện đã, đang sử dụng hệ thống kế toán tài chính và chế độ báo cáo được lập trên cơ sở IPSAS hoặc sẽ có ý định áp dụng bộ chuẩn mực này trong tương lai gần (Van & Julian, 2006).

3. Mục đích và nội dung khái quát của bộ IPSAS

3.1. Mục đích chuẩn mực kế toán công quốc tế

Mục đích của IPSASB trong quá trình triển khai IPSAS là thiết lập các chuẩn mực thống nhất về kế toán đối với các tổ chức trong khu vực công trên toàn thế giới, để từ đó có thể so sánh các dữ liệu giữa các tổ chức khác nhau và gia tăng sự minh bạch thông tin kế toán tài chính.

3.2. Nội dung cơ bản IPSAS

IPSAS là một bộ các chuẩn mực kế toán phát triển, chất lượng và mang tính độc lập, nhằm mục tiêu đạt được những nhu cầu về lập BCTC trong các đơn vị thuộc khu vực công. IPSAS được thiết lập dựa

trên cơ sở nội dung của chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và chuẩn mực về lập BCTC (IFRS). Với tính chất tương tự như IAS và IFRS thì IPSAS là một khuôn mẫu về lý thuyết đối với kế toán tài chính, định giá, báo cáo quy định về cơ chế tài chính. Một số chuẩn mực trong hệ thống IPSAS không có đối ứng với hệ thống IAS hoặc IFRS và có một số chuẩn mực khác thì mang tính chất đặc thù riêng trong khu vực công.

Theo IPSAS, thuật ngữ "khu vực công" có thể được hiểu là khu vực đại diện cho chính phủ trung ương (bộ, ngành và các cơ quan trực thuộc khác), chính phủ vùng hoặc chính phủ địa phương (cơ quan có thẩm quyền địa phương) và các thực thể khác thuộc chính phủ (cơ quan đại diện, ủy ban hoặc hội đồng quốc gia). Bên cạnh đó, bộ chuẩn mực IPSAS không áp dụng cho các DN kinh doanh của chính phủ (GBE), chẳng hạn như các công ty vận chuyển hành khách công cộng và các tài sản tiện ích công cộng, bởi vì những đơn vị này sẽ theo hướng dẫn thực hiện của khuôn mẫu trong IAS và IFRS; đồng thời những công ty này có cách hoạt động tương tự như những công ty thương mại và

hoạt động kinh doanh, nhằm mục tiêu đạt được chi phí như mong đợi cũng như mang lại hiệu quả từ quá trình đầu tư (ROI).

Tính đến tháng 4/2020, IPSASB đã ban hành 31 chuẩn mực trên cơ sở kế toán dồn tích. Hiện tại thì không còn sự tồn tại của một chuẩn mực bổ sung theo chế độ kế toán trên cơ sở tiền. Sự nổi trội và ưu thế của bộ chuẩn mực này là dựa trên kế toán dồn tích, do đó nó đã nhấn mạnh tầm quan trọng trong hệ thống chuẩn mực trên toàn cầu. Danh mục các chuẩn mực đã ban hành được thể hiện trong bảng dưới cùng việc so sánh tương ứng với chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) áp dụng trong khu vực tư nhân thế giới, gồm (bảng 1).

Như vậy, có thể nói rằng, khi đã áp dụng IPSAS thì các đơn vị xem như đã tuân thủ các quy định cơ bản của pháp luật áp dụng cho đơn vị công. Giống như khuôn mẫu lý thuyết trong khu vực tư nhân trong IAS, việc tuân thủ cũng chứng nhận rằng, hầu hết các bộ phận trong tổ chức đã áp dụng được quy định trình bày BCTC theo quy định chung.

4. Tầm quan trọng của việc đào tạo chuẩn mực kế toán công quốc tế

4.1. Sự cần thiết và lợi ích của IPSAS khi đưa vào giảng dạy

Để đáp ứng nhu cầu thông tin cho các đối tượng sử dụng thì các đơn vị trong khu vực công phải tổ chức công tác kế toán phù hợp với các quy định pháp lý của các cơ quan hữu quan. Hoạt động kế toán được xem là một trong những hoạt động quan trọng của hoạt động quản lý tại một tổ chức trong khu vực công, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả quản lý của khu vực công và của nền kinh tế quốc gia.

Hệ thống IPSAS được hầu hết các quốc gia sử dụng và nghiên cứu học tập, vì nó mang lại một số lợi

Bảng 1

Chuẩn mực kế toán công (IPSAS)	Tên của chuẩn mực	Mã số IAS tương ứng
IPSAS 1	Trình bày BCTC	IAS 1
IPSAS 2	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	IAS 7
IPSAS 3	Chính sách kế toán, thay đổi ước tính kế toán, và sai sót	IAS 8
IPSAS 4	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ngoại tệ	IAS 21
IPSAS 5	Chi phí dự vay	IAS 23
IPSAS 6	BCTC riêng và hợp nhất (bị thay thế)	IAS 27
IPSAS 7	Kế toán đầu tư vào công ty liên kết	IAS 28
IPSAS 8	BCTC về lãi từ góp vốn liên doanh	IAS 31
IPSAS 9	Thu nhập từ các giao dịch trao đổi	IAS 18
IPSAS 10	Lập BCTC trong nền kinh tế siêu lạm phát	IAS 29
IPSAS 11	Hợp đồng xây dựng	IAS 11
IPSAS 12	Hàng tồn kho	IAS 2
IPSAS 13	Thuế tài sản	IAS 17
IPSAS 14	Sự kiện sau ngày lập báo cáo	IAS 10
IPSAS 15	Công cụ tài chính - Công bố và trình bày	...
IPSAS 16	Bất động sản đầu tư	IAS 40
IPSAS 17	Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị	IAS 16
IPSAS 18	Báo cáo bộ phận	IAS 14
IPSAS 19	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ phải trả tiềm tàng	IAS 37
IPSAS 20	Trình bày về các bên liên quan	IAS 24
IPSAS 21	Tồn thất của những tài sản có nguồn gốc tiền tệ	IAS 36
IPSAS 22	Công bố các thông tin tài chính của khu vực chính phủ	Không có
IPSAS 23	Thu nhập từ giao dịch không tạo ra (thuế và chuyển lợi nhuận)	Không có
IPSAS 24	Trình bày thông tin về gian lận trên BCTC	Không có
IPSAS 25	Lợi ích nhân viên (bị thay thế)	IAS 19
IPSAS 26	Tồn thất của những tài sản có nguồn gốc tiền tệ	IAS 36
IPSAS 27	Nông nghiệp	IAS 41
IPSAS 28	Công cụ tài chính: trình bày	IAS 32
IPSAS 29	Công cụ tài chính: ghi nhận và đo lường	IAS 39
IPSAS 30	Công cụ tài chính: công bố	IFRS 7
IPSAS 31	Tài sản vô hình	IAS 38
IPSAS 32	Thỏa thuận về việc nhượng bộ dịch vụ - Tài trợ	IFRIC 12
IPSAS 33	Lần đầu áp dụng IPSAS trên cơ sở dồn tích	Không có
IPSAS 34	BCTC riêng	IAS 27
IPSAS 35	BCTC hợp nhất	IFRS 10
IPSAS 36	Đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh	IAS 28
IPSAS 37	Hợp đồng liên doanh	IFRS 11
IPSAS 38	Cung cấp lợi ích của các bên khác	IFRS 12
IPSAS 39	Lợi ích nhân viên	IAS 19
IPSAS 40	Kết hợp khu vực công	Không có
IPSAS 41	Công cụ tài chính	IFRS 9
IPSAS 42	Phúc lợi xã hội	Không có

ích và tính hữu ích sau:

Cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và gia tăng sự hiểu biết hơn về tài sản, nợ phải trả cũng như các nguồn lực sẵn có trong tổ chức.

Thông tin tài chính công minh bạch sẽ cung cấp sự đánh giá chính xác về tính phù hợp của tài chính trong đơn vị, qua đó có các quyết định phù hợp hơn.

Gia tăng sự minh bạch từ việc áp dụng IPSAS sẽ cho phép có các quyết định tốt hơn và quản lý tài sản chắc chắn hơn, hỗ trợ cho quá trình quản trị dựa trên kết quả của công việc.

Tăng cường sự thống nhất và tính có thể so sánh của BCTC, qua đó hỗ trợ cho các tổ chức có thể tạo ra bức tranh tài chính rõ ràng. Từ đó khách hàng, nhà đầu tư hay người sử dụng có thể tin tưởng vào hệ thống chung của đơn vị.

4.2. Tác động của việc giảng dạy và học tập theo IPSAS

Chuẩn mực kế toán được hiểu là những quy định và yêu cầu về phương diện công bố thông tin cho quá trình lập và trình bày BCTC. Việc áp dụng hệ thống IPSAS được xem là một xu hướng tất yếu của

(Xem tiếp trang 89)

khả năng tài chính. Để tăng cường hiệu quả, ấn tượng và thiết thực, nên thực hiện các chương trình khuyến mại riêng biệt cho các đối tượng khách hàng khác nhau, lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Tuy vậy, các chương trình khuyến mại cần được kiểm soát thực hiệu quả, tránh tình trạng các chương trình diễn ra liên tục hoặc chồng chéo nhau, làm suy giảm giá trị hình ảnh của DN.

Thứ ba, về chất lượng nhân viên: Cần có quy chế đào tạo và cập nhật kiến thức mới thường xuyên về kế toán, thuế, luật nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho các kế toán viên hành nghề; Bố trí thời gian, ngân sách cho việc cập nhật phù hợp; Từng bước ổn định và tăng cường về mặt nhân sự nhất là tăng số lượng kế toán viên hành nghề, tăng dần quy mô hoạt động; Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý, quy chế tuyển dụng, quản lý kế toán viên, từ đó hình thành DVKT chuyên nghiệp.

(Tiếp theo trang 57)

hầu hết các quốc gia trên thế giới. Điều này sẽ mang lại sự minh bạch hơn trong chế độ tài chính công của một nước thông qua quá trình ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo đúng bản chất phát sinh hơn là thông qua hình thức giao dịch.

Khi học tập được nội dung này, kế toán viên có thể áp dụng vào công việc giúp gia tăng chất lượng đối với thông tin tài chính mà các BCTC cung cấp cho người sử dụng vì tính đầy đủ, tính so sánh được và tính thích hợp.

Bên cạnh đó, khi một quốc gia áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán công này sẽ giúp BCTC minh bạch về thông tin công bố, tạo ra tính đáng tin cậy đối với BCTC. Qua đó, giúp tăng cường sự chủ động của các đơn vị công trong quá trình hoạt động của mình vì IPSAS

Thứ tư, về xây dựng uy tín: Để thu hút sự quan tâm chủ ý của khách hàng với DVKT, ngay từ ban đầu, cơ sở cung cấp dịch vụ cần giới thiệu một cách ngắn gọn, dễ hiểu, dễ cảm nhận cũng như ý nghĩa của DVKT đối với khách hàng. Đồng thời, cần thông tin rõ ràng về DN và các sản phẩm, dịch vụ, giúp khách hàng dễ dàng liên hệ, tiếp xúc khi có nhu cầu. Điều này có thể được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả thông qua mạng Internet bởi tính thông dụng, phổ biến của nó.

Thứ năm, mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin vào bộ máy hoạt động nói chung, trang bị hệ thống công nghệ hiện đại, ứng dụng các phần mềm kế toán để tiết kiệm nhân lực, thời gian, chi phí cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ. ■

Tài liệu tham khảo

[1] Cronin, J. J., Taylor, S. A. 1992. *Measuring service quality: a reexamination and extension*, *Journal of*

là một bộ các chuẩn mực về thực hành báo cáo được nhiều chuyên gia đánh giá là có chất lượng khá cao hiện nay đối với các công ty trong khu vực công.

Dẫu vậy, trên thực tế, đào tạo những kế toán viên có kiến thức chuyên biệt trong kế toán khu vực công, đặc biệt là kiến thức IPSAS vẫn còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với thế giới, hướng tới tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về kế toán (khu vực công và tư), việc đào tạo kiến thức về bộ chuẩn mực kế toán công trong trường đại học là đòi hỏi bức thiết. ■

Tài liệu tham khảo

Jan van Helden (2019) *New development The practical relevance of public sector accounting research: time to take a stand* *Public Money & Management*, 39(8), pp 595-598

Miller, G. J. (2006). *Trends and chal-*

[2] Hunt et al., 1999. *Marketing of Accounting Services to Professional versus Small Business Owners: Selection and Retention Criteria of These Client Group*. *Small Business Institute Proceedings*

[3] Nguyễn Minh Hà, Nguyễn Thị Kim Nga. 2017. *Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán của các DNNTV tại TP. Hồ Chí Minh*, *Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh*

[4] Nguyễn Quyết Thắng, Hoàng Thị Thủy Ngọc (2018). *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ kế toán của DNNTV tại Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh* *Tap chí Công thương*, 2018.

[5] Parasuraman, A., Zeithaml, V. A., Berry, L. L. 1985. *A conceptual model of service quality and its implications for future research*, *Journal of Marketing*, 49 (3), 41-50.

[6] Phạm Ngọc Toàn, Dương Thị Tuyết Loan. 2017. *Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ kế toán của các DNNTV Thành phố Hồ Chí Minh* *Tap chí Công thương*, 04/2017

[7] Trần Thị Cẩm Thanh và Đào Nhật Minh. 2015. *Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn DVKT của các DNNTV tại Việt Nam*. *Tap chí Kế toán và Kiểm toán*, 07/2015

lenges in governmental accounting education *Journal of*

Government Financial Management, 55(2), 20-24

Nick, S. & Robert, S (2008). *Public sector accounting education in Australian universities: Obstacles and opportunities* *Asian Review of Accounting*, 16(3), pp 246-262 <https://doi.org/10.1108/13217340810906690>

Thomas, W G. & Ulrike, S (2018). *Public sector accounting research in the higher education sector: a systematic literature review* *Management Review Quarterly*, 66(4), pp. 235-265

Van, P. & Julian, A. (2006) *Ethics research: an accounting educator's perspective* *Australian Accounting Review*, 16(1), pp. 13-29.

Zahirul, H (2002). *Using journal articles to teach public sector accounting in higher education*. *Journal of Accounting Education*, 20(3), pp. 139-161. DOI: 10.1016/S0748-5751(02)00006-4